

13	GLADIATS	オリジナル	13	GLADIATS	オリジナル	13	GLADIATS	オリジナル							
069 投手 おくでら まさし (生)----- (出)Full House Pitcher's (利)左投左打 (長)180 (續)16勝1敗 1.82 (試)24(173.1)			005 外野手 コミ (生)1490-7-11 (出)トランシルヴァニア (利)右投右打 (長)170 (續)307 37本 94点 (試)129(560席)			538 投手 コミヤ (生)1990-7-11 (出)東方BIG野球機構 (利)右投右打 (長)171 (續)3勝1敗 3.99 (試)41(56.1)									
1 2 3 4 P			1 2 3 4 5			1 2 3 4 5									
1	2H8	H8	2B	H7	1	盗 塁 :	1	2H7	H7	P	H9	1	盗 塁 :		
2	2H9	H9	3B	G1f	1	1	1	2	2H8	H8	1B	G1D	1/2	1	1
3	H7	G6f/H8a	SS	G3D	2/1	バント :	3	3	H7	H9a/G4a	3B	G3D	2*	バント :	1
4	H8a	1B	G1D	G4D	2*	走 力 :	1	4	H8a	2B	G1a	G4f	2*	走 力 :	1
5	H9	2B	G3D	G5a	2	守備力 :		5	H9	LF	G3D	G5a	2	守備力 :	
6	G6D/H8	LF	G4f	G6D	2	P :	1B	6	H8/G4D	RF	G4D	G6D	2	P :	1E
7	1B	G1a	G4a	F7a	3*			7	1B	G1D	G5a	F7	2		
8	SS	G3D	G5a	F8	3*			8	SS	G3a	G6D	F8a	2		
9	G3D	G3f	G6D	F9a	3			9	G3D	G4f	G6f	F9	2		
10	G3a	G4D	G6f	PO	3			10	G3f	G5D	F7a	PO	2		
11	G4f	G5D	F7a	BB	3			11	G4D	G6D	F8	BB	2		
12	G6D	G6a	F8	BB	3			12	G6a	F8a	F9a	BB	2	特 徴 :	4
13	F7	F7	F9	BB	3P4			13	F8	F9	PO	BB	3*	け が	
14	PO	PO	PO	BB	4	特 徴 :	5	14	PO	PO	PO	BB	3*	(するたび)	
15	K	K	K	K	4	対 左		15	K	K	K	K	3	疲 労 P :	
16	K	K	K	K	5			16	K	K	K	K	3	1R	
17	K	K	K	K	5	疲 労 P :		17	K	K	K	K	4	※屋外球場	
18	K	K	K	K	5	7		18	K	K	K	K	4	デーゲーム	
19	K	K	K	K	5			19	K	K	K	K	5	出 場 不 可	
20	UP	UP	UP	UP	5			20	UP	UP	UP	UP	5		
003 内野手 KAMOME (生)1992-4-16 (出)パーフェクトフリーズ (利)右投右打 (長)173 (續)---- -本 -点 (試)-(-席)			093 内野手 ドット・ドリーム (生)1987-4-25 (出)東方睡眠館 (利)右投右打 (長)175 (續)---- -本 -点 (試)-(-席)			001 投手 古翠 (生)----- (出)日々徒然。 (利)右投両打 (長)--- (續)-勝-敗 --- (試)--(-,-)									
1 2 3 4 5			1 2 3 4 5			1 2 3 4 P									
1	HR7	H7a	IH4/PO	H8	IH1	盗 塁 :		1	3H8	2H7	H7/PO	H9	1	盗 塁 :	
2	3H9/2H9	H7	P	IH5	G4f	4	16	2	2H7	H7	P	G4a	1	3	13
3	2H7	H8a	2B	G1a	G6a	バント :	1	3	2H8	H8a	1B	G5f	1	バント :	4
4	2H8	H8	SS	G3D	F9	走 力 :	5	4	2H9	H8	SS	G6D	2*	走 力 :	3
5	H7a	H9a	G1f	G4a	K	守備力 :		5	H7a	H9a	G1D	G6a	2*	守備力 :	
6	H7	IH6	G3f	G5f	K	SS :	4C	6	H7	H9	G1f	F8	2	P :	3C
7	H7	1B	G3a	G6f	K	OF :	3C	7	H7	LF	G3a	F9a	2/5	1B :	3C
8	H8a	3B	G4D	G6a	K	T :	B	8	H8a	OF	G4f	PO	3*		
9	H8	RF	G4a	F7a	K	1B :	1D	9	H8	RF	G4a	BB	3*		
10	H9a	G1f	G5f	F8	K	3B :	1E	10	H9	G3a	G5D	BB	3		
11	H9	G3f	G5a	PO	K			11	H9	G4f	G5f	BB	3		
12	H9	G4D	G6D	BB	K			12	2B	G5a	G6D	BB	3		
13	3B	G5f	G6f	BB	K			13	3B	G6D	G6a	BB	3		
14	SS	G5a	G6a	BB	K	特 徴 :	4	14	G3f	G6f	F7a	BB	4P3	特 徴 :	4
15	G4f	G6a	F7	BB	K	内野安打		15	G4D	F7	F8	BB	4	対 右	
16	G5a	F8a	F9a	BB	K			16	G5f	F8a	F9	BB	4		
17	G6f	PO	PO	BB	K			17	G6a	F9	PO	BB	4	疲 労 P :	
18	PO	K	K	K	K			18	F8	PO	PO	BB	5	5/2	
19	K	K	K	K	K			19	PO	PO	K	BB	5		
20	UP	UP	UP	UP	UP			20	UP	UP	UP	UP	5		
049 投手 Miyak (生)1989-8-15 (出)恵那高 (利)右投右打 (長)--- (續)2勝1敗 2.55 (試)3(17.2)			072 内野手 ドアライダー (生)----- (出)味噌の国 (利)右投右打 (長)--- (續)---- -本 -点 (試)-(-席)			033 外野手 skull (生)----- (出)吉田高 (利)右投左打 (長)--- (續)---- -本 -点 (試)-(-席)									
1 2 3 4 P			1 2 3 4 5			1 2 3 4 5									
1	HR7	H7	H7/K	H8	1	盗 塁 :		1	HR8	2H8	G6D/H8	H9	IH6	盗 塁 :	
2	3H9/H9a	H7	1B	G4D	1	4	10	2	HR9	H7a	1B	G1D	G4D	5	11
3	2H7	H8a	2B	G5f	3P1	バント :	10	3	HR9	H7	2B	G4D	G5a	バント :	2
4	2H8	H8	SS	G6D	2*	走 力 :	3	4	2H7	H8	SS	G5f	G6D	走 力 :	4
5	2H9	H9a	G1D	G6a	2*	守備力 :		5	2H8	H9a	G1D	G6D	F7a	守備力 :	
6	H7a	H9	G3f	F8	2	P :	3E	6	H7	H9a	G1a	G6a	F8	OF :	4D
7	H7	3B	G4D	F9a	2	SS :	4C	7	H7	LF	G3D	F7	PO	T :	B
8	H8a	LF	G4a	PO	2	3B :	3D	8	H8a	OF	G4D	F8a	PO	2B :	2C
9	H8	CF	G5D	BB	2/5	2B :	3E	9	H8	RF	G4f	PO	K	SS :	2C
10	H8	G3D	G6D	BB	3*	1B :	1E	10	H9a	G1f	G5D	BB	K		
11	H9	G4f	F7a	BB	3*			11	H9	G3D	G5f	BB	K		
12	H9a/F9a	G5a	F8	BB	3			12	1B	G4D	G6D	BB	K		
13	2B	G6D	F9	BB	3	特 徴 :	4	13	2B	G4f	F7	BB	K		
14	3B	F8a	PO	BB	4	【投手】		14	G4a	G5a	F8	BB	K	特 徴 :	4
15	G4D	F9	PO	BB	4	対 右		15	G5D	G6D	F9a	BB	K	対 右	
16	G6a	PO	K	BB	4	【野手】		16	G6f	F7	F9	BB	K		
17	K	K	K	K	5	1C5		17	F7a	F8a	PO	BB	K		
18	K	K	K	K	5			18	F9	PO	PO	BB	K		
19	K	K	K	K	5	疲 労 P :		19	PO	PO	K	BB	K		
20	UP	UP	UP	UP	5	6		20	UP	UP	UP	UP	UP		